

- Câu 17:** Cấu hình electron của nguyên tử Na ($Z=11$) là
 A. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^1$. B. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^1$. C. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2$. D. $1s^2 2s^2 2p^6$.
- Câu 18:** Số electron lớp ngoài cùng của các nguyên tử kim loại thuộc phân nhóm chính nhóm II là
 A. 4. B. 3. C. 1. D. 2.
- Câu 19:** Oxi hoá $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OH}$ bằng CuO đun nóng, thu được andehit có công thức là
 A. CH_3CHO . B. $\text{CH}_2=\text{CHCHO}$. C. HCHO . D. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CHO}$.
- Câu 20:** Trong điều kiện thích hợp, axit fomic (HCOOH) phản ứng được với
 A. Cu . B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. C. NaCl . D. HCl .
- Câu 21:** Este etyl fomiat có công thức là
 A. HCOOC_2H_5 . B. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$. C. HCOOCH_3 . D. $\text{HCOOCH}=\text{CH}_2$.
- Câu 22:** Để phân biệt dung dịch AlCl_3 và dung dịch KCl ta dùng dung dịch
 A. NaNO_3 . B. HCl . C. NaOH . D. H_2SO_4 .
- Câu 23:** Công thức chung của dãy đồng đẳng rượu no, đơn chức, mạch hở là
 A. $\text{C}_n\text{H}_{2n+1}\text{OH}$ ($n \geq 1$). B. $\text{C}_n\text{H}_{2n+1}\text{COOH}$ ($n \geq 0$).
 C. $\text{C}_n\text{H}_{2n-1}\text{OH}$ ($n \geq 3$). D. $\text{C}_n\text{H}_{2n+1}\text{CHO}$ ($n \geq 0$).
- Câu 24:** Đun nóng este HCOOCH_3 với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH , sản phẩm thu được là
 A. HCOONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. B. CH_3COONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.
 C. HCOONa và CH_3OH . D. CH_3COONa và CH_3OH .
- Câu 25:** Trung hoà V ml dung dịch NaOH 1M bằng 100 ml dung dịch HCl 1M. Giá trị của V là (Cho $\text{H} = 1$, $\text{O} = 16$, $\text{Na} = 23$, $\text{Cl} = 35,5$)
 A. 100. B. 400. C. 300. D. 200.
- Câu 26:** Hai kim loại Al và Cu đều phản ứng được với dung dịch
 A. H_2SO_4 loãng. B. NaOH loãng. C. NaCl loãng. D. HNO_3 loãng.
- Câu 27:** Hai chất đều phản ứng với dung dịch NaOH là
 A. HCOOH và $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ (anilin). B. CH_3COOH và $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ (anilin).
 C. HCOOH và $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$ (phenol). D. CH_3NH_2 và $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$ (phenol).
- Câu 28:** Hai dung dịch đều phản ứng được với kim loại Fe là
 A. HCl và AlCl_3 . B. CuSO_4 và ZnCl_2 . C. CuSO_4 và HCl . D. ZnCl_2 và FeCl_3 .
- Câu 29:** Chất có tính oxi hoá nhưng **không** có tính khử là
 A. FeO . B. Fe_2O_3 . C. Fe . D. FeCl_2 .
- Câu 30:** Chất phản ứng được với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo ra dung dịch màu xanh lam là
 A. etyl axetat. B. glixerin. C. rượu etylic. D. phenol.
- Câu 31:** Chất thuộc loại đisaccarit là
 A. xenlulozơ. B. glucozơ. C. fructozơ. D. saccarozơ.
- Câu 32:** Cặp chất **không** xảy ra phản ứng là
 A. $\text{Zn} + \text{Fe}(\text{NO}_3)_2$. B. $\text{Ag} + \text{Cu}(\text{NO}_3)_2$. C. $\text{Fe} + \text{Cu}(\text{NO}_3)_2$. D. $\text{Cu} + \text{AgNO}_3$.
- Câu 33:** Chất phản ứng được với dung dịch NaOH là
 A. MgO . B. KOH . C. Al_2O_3 . D. CuO .
- Câu 34:** Tên gọi của polime có công thức $(-\text{CH}_2-\text{CH}_2-)_n$ là
 A. polietilen. B. polivinyl clorua.
 C. polistiren. D. polimetyl metacrylat.
- Câu 35:** Hai kim loại đều phản ứng với dung dịch $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ giải phóng kim loại Cu là
 A. Fe và Au . B. Al và Ag . C. Fe và Ag . D. Al và Fe .
- Câu 36:** Axit axetic (CH_3COOH) **không** phản ứng với
 A. Na_2CO_3 . B. Na_2SO_4 . C. CaO . D. NaOH .
- Câu 37:** Kim loại Al **không** phản ứng với dung dịch
 A. H_2SO_4 đặc, nguội. B. HCl . C. $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$. D. NaOH .

Câu 38: Cho m gam kim loại Al tác dụng với một lượng dư dung dịch NaOH, thu được 3,36 lít khí H_2 (ở đktc). Giá trị của m là (Cho $H = 1$, $O = 16$, $Na = 23$, $Al = 27$)

- A. 10,8. B. 2,7. C. 5,4. D. 8,1.

Câu 39: Trung hoà m gam axit CH_3COOH bằng 100 ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị của m là (Cho $H = 1$, $C = 12$, $O = 16$, $Na = 23$)

- A. 12,0. B. 6,0. C. 9,0. D. 3,0.

Câu 40: Phương pháp thích hợp điều chế kim loại Ca từ $CaCl_2$ là

- A. điện phân dung dịch $CaCl_2$. B. nhiệt phân $CaCl_2$.
C. dùng Na khử Ca^{2+} trong dung dịch $CaCl_2$. D. điện phân $CaCl_2$ nóng chảy.

----- HẾT -----